

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày 26-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Nghĩa;
- Ông Trịnh Minh Tường.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Lê Đăng Kha – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLHS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1971 tại tỉnh LA; nơi cư trú: ấp M, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có chồng tên Trần Văn Dũ và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt;

2. Phạm Thị Kim T, sinh năm 1980 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1 (đã chết) và bà Phan Thị N; bị cáo có chồng tên Nguyễn Minh T và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt;

3. Nguyễn Thị M, sinh năm 1950 tại tỉnh Đ; nơi cư trú: ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã

chết) và bà Hồ Thị D1 (đã chết); bị cáo có chồng tên Lê Văn K1 (đã chết) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt;

4. Phan Thị L, sinh năm 1959 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp C, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T2 (đã chết) và bà Huỳnh Thị N2 (đã chết); bị cáo có chồng tên Trần Ngọc M2 và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Thị C1 (tên gọi khác: C2), sinh năm 1968 tại tỉnh LA; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 270/65/37 Phan Đình Phùng, phường 1, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị R; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn S (đã ly hôn) và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt.

6. Lê Thị N, sinh năm 1983 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp a, xã b, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (bị cáo trong vụ án); bị cáo có chồng tên Nguyễn Ngọc D và có 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt.

7. Phan Thị Bé B, sinh năm 1958 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Bự (đã chết) và bà Lê Thị Gơn (đã chết); bị cáo có chồng tên Trần Thanh B và có 03 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2022 cho đến nay; có mặt.

8. Lê Thị N, sinh năm 1956 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N3 (đã chết) và bà Võ Thị Ph (đã chết); bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn N4 (đã chết) và có 04 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2023 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 30/9/2022, các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Lê Thị N, Nguyễn Thị

C1, Nguyễn Thị M tự tập trung đến căn nhà (không rõ chủ sở hữu) thuộc ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh để đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức chơi bài bửu. Bị cáo V và T thay nhau làm cái. Các bị cáo N, Bé B, L, N, C1 tham gia đặt cược với số tiền mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Bị cáo M giúp bị cáo N bốc bài. Đến khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 30/9/2022, Công an xã Tân Phong kiểm tra phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính; thu trên người những người tham gia đánh bạc số tiền 11.920.000 đồng; thu tại chiếu bạc số tiền 1.750.000 đồng; 02 bộ bài tây, 01 tấm manh làm chiếu bạc và nhiều tài sản khác. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cụ thể:

- Bị cáo V sử dụng 7.000.000 đồng để làm cái. Khi bị cáo T làm cái thì V tham gia đặt cược. Lúc bị bắt, V thắng 550.000 đồng, bỏ lại chiếu bạc 150.000 đồng, bị tạm giữ 7.400.000 đồng.

- Bị cáo T sử dụng 1.300.000 đồng để làm cái. Khi bị cáo V làm cái thì T tham gia đặt cược. Lúc bị bắt, T thua 250.000 đồng, bị tạm giữ 1.050.000 đồng.

- Bị cáo L sử dụng 900.000 đồng để tham gia đánh bạc, thắng 50.000 đồng, bị tạm giữ 950.000 đồng.

- Bị cáo C1 sử dụng 520.000 đồng để tham gia đánh bạc, thua 50.000 đồng, bị tạm giữ 470.000 đồng.

- Bị cáo N sử dụng 300.000 đồng để tham gia đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 200.000 đồng N bỏ lại trên chiếu bạc.

- Bị cáo M mang theo 2.050.000 đồng để đánh bạc. Nhưng do thời điểm M đến sòng bạc thì đã đủ số người tham gia nên M ngồi bên ngoài bốc bài giúp cho bị cáo N. Bị tạm giữ 2.050.000 đồng.

- Bị cáo Bé B sử dụng 250.000 đồng để tham gia đánh bạc, thua hết tiền.

- Bị cáo N sử dụng 200.000 đồng để tham gia đánh bạc, thua 50.000 đồng, còn lại 150.000 đồng N bỏ lại trên chiếu bạc.

Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc được xác định là 11.620.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo V, T, N, Bé B, L, N, C1, M đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, các bị cáo còn khai nhận trước ngày 30/9/2022 có tham gia đánh bạc tại địa điểm nêu trên nhưng không nhớ đánh cùng ai, số tiền đánh bạc Bao nhiêu nên không có cơ sở xử lý.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:*

- Thu tại chiếu bạc: tiền Việt Nam 1.750.000 đồng, 02 bộ bài tây, 01 tấm manh nhựa.

- Thu trên người các bị cáo: Nguyễn Thị Thu V: 7.400.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh, số Imei 350481170678609. Phạm Thị Kim T: 1.050.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2, số imei 354802092535286. Phan Thị L: 950.000 đồng,

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số imei: 351848071453465. Nguyễn Thị M: 2.050.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, số imei 358637044415518. Nguyễn Thị C1 470.000 đồng.

Qua xác minh tài sản thì các bị cáo V, T, N, Bé B, L, N, C1, M không có tài sản có giá trị nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSTB ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Lê Thị N, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Thị M về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Lê Thị N, Nguyễn Thị C1 (tên gọi khác: C2), Nguyễn Thị M phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu V** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ;

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phạm Thị Kim T** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ;

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị M** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phan Thị L** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C1** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Thị N** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Phan Thị Bé B** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Lê Thị N** từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ;

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

** Về xử lý vật chứng:* căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện:

[2.1] Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 30/9/2022, tại căn nhà thuộc ấp S, xã TP, huyện TB, tỉnh Tây Ninh các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Lê Thị N, Nguyễn Thị C1 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, hình thức chơi bài bửu, số tiền đặt cược mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 11.620.000 đồng; nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Đánh bạc”** tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị M mặc dù không tham gia đặt cược nhưng giúp bị cáo Lê Thị N bốc bài nên hành vi của bị cáo M cũng đủ yếu tố cấu thành tội **“Đánh bạc”** với vai trò giúp sức, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự;

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKSTB ngày 03/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố đối với các bị cáo và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Tuy nhiên, bản Cáo trạng xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 13.670.000 đồng, là chưa chính xác. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa thể hiện bị

cáo Nguyễn Thị M mang theo số tiền 2.050.000 đồng nhưng không tham gia đặt cược mà giúp sức cho bị cáo Lê Thị N bốc bài nên không xác định số tiền của bị cáo M mang theo là tiền đánh bạc, do đó Hội đồng xét xử xác định lại tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 11.620.000 đồng.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo và phục vụ cho công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong giai đoạn điều tra và quá trình xét xử, các bị cáo V, T, N, Bé B, L, N, C1, M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo M là người trên 70 tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bé B có cha là ông Phan Văn Bự là liệt sĩ, mẹ là bà Nguyễn Thị Gơn được tặng huân chương kháng chiến hạng B nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Các bị cáo V và T luân phiên nhau làm cái (các bị cáo không hùn tiền làm cái), trong đó bị cáo V dùng số tiền 7.000.000 đồng để đánh bạc, bị cáo T dùng số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác và bị cáo V chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Các bị cáo còn lại sử dụng số tiền đánh bạc không lớn nên phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của mình và thấp hơn các bị cáo V, T.

[6] Về hình phạt:

Xét thấy, các bị cáo V, T, N, Bé B, L, N, C1, M có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo là đối tượng lớn tuổi, số tiền dùng để đánh bạc không lớn, tính sát phạt không cao. Mặt khác, các bị cáo vẫn có thu nhập từ việc làm thuê hoặc mua bán. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự xử phạt hình phạt tiền đối với các

bị cáo với mức hình phạt tính trên cơ sở thu nhập bình quân của người dân tại địa phương và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, để các bị cáo vẫn đảm bảo có khả năng thi hành án, đồng thời đảm bảo tính công bằng trong việc áp dụng pháp luật. Hơn nữa, mục đích đánh bạc của các bị cáo là để sát phạt nhau, thu lợi bất chính nên việc áp dụng hình phạt tiền tác động trực tiếp đến kinh tế của các bị cáo mới có thể răn đe, giáo dục và ngăn ngừa các bị cáo tiếp tục đánh bạc, qua đó thay đổi dần thói quen, nhận thức của các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do đó, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo.

Các bị cáo V, T, N, Bé B, L, N, C1, M đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 02 bộ bài tây, 01 tấm manh nhựa thu tại chiếu bạc là dụng cụ để các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Tiền Việt Nam: 11.620.000 đồng, gồm tiền thu trên chiếu bạc 1.750.000 đồng và tiền thu của các bị cáo Nguyễn Thị Thu V: 7.400.000 đồng, Phạm Thị Kim T: 1.050.000 đồng, Phan Thị L: 950.000 đồng, Nguyễn Thị C1 470.000 đồng là tiền dùng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Trả cho các bị cáo tài sản không L quan đến việc phạm tội, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án Bo gồm:

Nguyễn Thị Thu V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh, số Imei 350481170678609; Phạm Thị Kim T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2, số imei 354802092535286; Phan Thị L: điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số imei: 351848071453465; Nguyễn Thị M: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, số imei 358637044415518.

Bị cáo Nguyễn Thị M mang theo 2.050.000 đồng nhưng chưa tham gia đặt cược, do đó không L quan đến việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Các bị cáo còn khai nhận trước ngày 30/9/2022 có tham gia đánh bạc nhưng không nhớ đánh cùng ai, số tiền đánh bạc Bo nhiều nên không có cơ sở xử lý.

[9] Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Nguyễn Thị C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Nguyễn Thị M thuộc trường hợp là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm, do đó căn cứ

điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Nguyễn Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Lê Thị N, Nguyễn Thị C1 (tên gọi khác: C2), Nguyễn Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu V 30.000.000 (B mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thị L 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C1 (tên gọi khác: C2) 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thị Bé B 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- **Tịch thu tiêu hủy:** 02 (hai) bộ bài tây, 01 (một) tấm manh nhựa thu tại chiếu bạc.

- **Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:** tiền Việt Nam 11.620.000 (mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng, gồm tiền thu trên chiếu bạc: 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và tiền thu của các bị cáo Nguyễn Thị Thu V: 7.400.000 (bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng, Phạm Thị Kim T: 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng, Phan Thị L: 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng, Nguyễn Thị C1 470.000 (bốn trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- **Tiếp tục tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:**

+ Nguyễn Thị Thu V: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M12, màu xanh, số Imei 350481170678609;

+ Phạm Thị Kim T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J2, số imei 354802092535286;

+ Phan Thị L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số imei: 351848071453465;

+ Nguyễn Thị M: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu đen, số imei 3580637044415518; tiền Việt Nam 2.050.000 (hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/4/2023).

3. Về án phí: căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Nguyễn Thị Thu V, Phạm Thị Kim T, Lê Thị N, Nguyễn Thị C1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn

Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Lê Thị N, Phan Thị Bé B, Phan Thị L, Nguyễn Thị M được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA -TAND ;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- THA phạt tù;
- Phòng PV06-Công an Tây Ninh;
- Đội điều tra CA huyện Tân Biên;
- Văn phòng CA huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Nguyên